TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÀU BÀNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2025/HS-ST
Ngày 28-3-2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Độ;

Ông Huỳnh Thanh H.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Thái Hoàng Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 154/2024/TLST-HS ngày 19 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 02 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2025/HSST-QĐ ngày 03 tháng 3 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn C, sinh năm 1991 tại Hà Tĩnh; hộ khẩu thường trú tại: khu phố Cây Sắn, thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương; tạm trú: 14/11 Phan Bội Châu, Phường 14, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Cường và bà Lê Thị Trang Đài; có vợ Huỳnh Thị Như Ý và 01 con; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo được tại ngoại, có mặt.

2. Võ Văn T, sinh năm 1976 tại Bình Dương; hộ khẩu thường trú tại: ấp Hố Muôn, xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: bảo vệ; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Phước Thành và Dương Thị Đâm; có vợ Nguyễn Thị Duyên và 02 con; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo được tại ngoại, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan:

1. Bà Lê Thị L, sinh năm 1975; nơi cư trú: ấp Hố Muôn, xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

2. Bà Lê Thị M, sinh năm 1977; nơi cư trú: ấp Bưng Thuốc, xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 19; nơi cư trú: ấp Long Bình, xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

4. Ông Huỳnh Đức H, sinh năm 19; nơi cư trú: ấp Long Thành, xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

5. Ông Phan Quốc H, sinh năm 19; nơi cư trú: ấp Long Thành, xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

6. Bà Lê Thị Hồng, sinh năm 19; nơi cư trú: ấp Long Thành, xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn C có quan hệ quen biết với Võ Văn T qua cháu gái của T.

Khoảng tháng 5 tháng 2017, T nghỉ việc tại Nông trường Cao su Long Nguyên, đến khoảng tháng 7 năm 2017, vì cho rằng đi làm "Biên bản giám định khả năng lao động" tại Trung tâm giám định y khoa thuộc Sở y tế tỉnh Bình Dương để nộp bảo hiểm hưởng lương hưu trí mất nhiều ngày mới xong nên T có hỏi C có biết ai làm "Biên bản giám định khả năng lao động" để làm cho nhanh. Trước đây C từng L lạc một người tên Mạnh (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) trên mạng xã hội làm Giấy phép lái xe mô tô hạng A1 nên đã nhắn tin cho Mạnh, Mạnh hỏi mẫu "Biên bản giám định khả năng lao động" nên C đã yêu cầu T cung cấp mẫu qua Zalo sau đó chuyển cho Mạnh và Mạnh trả lời là làm được với giá 3.000.000 đồng đến 3.600.000 đồng. Khoảng 03 ngày sau C báo với T là làm được "Biên bản giám định khả năng lao động" với giá là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng). T đồng ý làm. T đưa chứng minh nhân dân và Giấy chấm dứt hợp đồng lao động của T và hai người làm chung Công ty với T là bà Lê Thị L và bà Lê Thị M cho C. Khoảng 02 tuần sau T nhận được bưu phẩm do nhân viên shipper chuyển hàng nhanh giao cho T tại nhà của T. Sau đó, T còn nhờ C làm thêm "Biên bản giám định khả năng lao động" cho Nguyễn Thị H(Hồng làm thêm cho chồng là Lê Văn Dũng), Phan Quốc H, Nguyễn Thị Th và Huỳnh Đức H. Tổng số người T đã nhờ C làm 08 người với số tiền khoảng 32.000.000 đồng, tổng số tiền C thu lợi bất chính là 3.200.000 đồng (ba triệu hai trăm nghìn đồng).

Đối với bà Lê Thị L: Sau khi bà L nghỉ việc tại Nông trường cao su Long Nguyên, L gặp T thì T nói với L có thằng cháu của T có thể làm được "Biên bản giám định khả năng lao động" với giá 4.000.000 đồng, không cần đi giám định tại Trung tâm giám định y khoa thuộc Sở y tế tỉnh Bình Dương. L đồng ý và cung cấp thông tin, chứng minh nhân dân của L cho T. Khoảng 10 ngày sau T đến đưa trực tiếp 02 (hai) "Biên bản giám định khả năng lao động" cho L, T nói khi nào có giấy biên lai đỏ thì nộp cho Bảo hiểm xã hội. Do không có việc làm cần tiền nên L đã nộp 01 (một) Biên bản giám định khả năng lao động số:

682/2017/GĐYK-SK ngày 15/08/2017 mang tên Lê Thị L cho tổ chức Bảo hiểm xã hội huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương. Sau đó Bảo hiểm xã hội huyện Bàu Bàng mời L làm việc và thông báo cho L biết giấy Biên bản giám định khả năng lao động trên là giả và L giao nộp lại số tiền hưởng chế độ hưu trí cho Bảo hiểm xã hội huyện Bàu Bàng số tiền: 10.373.244 đồng. Ngày 09 tháng 5 năm 2018, Công an tỉnh Bình Dương mời L làm việc và L có giao nộp cho Công an tỉnh Bình Dương 01 (một) Biên bản giám định khả năng lao động số: 682/2017/GĐYK-SK ngày 15/08/2017 mang tên Lê Thị L để phục vụ công tác điều tra, xác minh.

Đối với bà Lê Thị M: Do bà M cũng có nhu cầu làm "Biên bản giám định khả năng lao động" để nộp bảo hiểm xã hội để nghỉ hưu trí nên khi gặp T được T nói có thể làm "Biên bản giám định khả năng lao động" không cần đi giám định tại Trung tâm giám định y khoa thuộc Sở y tế tỉnh Bình Dương với giá 4.000.000 đồng. Bà M đồng ý và cung cấp thông tin, chứng minh nhân dân của M cho T. Khoảng đầu tháng 09/2017 T đến đưa trực tiếp 02 (hai) "Biên bản giám định khả năng lao động" số:720/2017/GĐYK-SK ngày 05/09/2017 mang tên Lê Thị M cho M, M đem cất trong nhà, khoảng 10 ngày sau T điện thoại cho M nói "Biên bản giám định khả năng lao động" đã làm cho M là giả, T trả lại cho M 4.000.000 đồng. Tháng 10/2017, bà M đến Trung tâm giám định y khoa thuộc Sở y tế tỉnh Bình Dương để giám định sức khỏe và được cấp Biên bản giám định khả năng lao động số: 1049/2017/GĐYK-SK ngày 02/11/2017 mang tên Lê Thị M tỷ lệ suy giảm khả năng lao động là 66%. Ngày 01/12/2017, do bận nhiều công việc nên M không để ý và kiểm tra kỹ biên bản, nên khi bà M làm hồ sơ hưởng chế độ hưu trí đã nộp cả hai Biên bản giám định khả năng lao động số: 720/2017/GĐYK-SK ngày 05/09/2017 và số: 1049/2017/GĐYK-SK ngày 02/11/2017 cho cơ quan Bảo hiểm xã hội huyện Bàu Bàng.

Đối với Nguyễn Thị Th khai: Sau khi Cơ quan Công an huyện Bàu Bàng cho Thân xem nội dung lời khai của Công an huyện Bàu Bàng lập ngày 17 tháng 10 năm 2018, thì Thân khẳng định trước đây Thân khai có nhờ T làm giấy giám định sức khỏe là không đúng sự thật do Thân không nhớ rõ nên đã khai với Cơ quan Công an huyện Bàu Bàng là không đúng, này Thân xin trình bày lại Thân không có nhờ T làm giấy giám định khả năng lao động và không có đưa tiền cho T, vì Thân đã được cấp giấy giám định khả năng lao động số: 1046/2017/GĐYK-SK ngày 02 tháng 11 năm 2017.

Đối với Huỳnh Đức H khai: khoảng tháng 10 năm 2017, H rủ T đi khám sức khỏe để làm hồ sơ hưu trí, T nói với H có quen một người cháu làm được giấy khám sức khỏe không cần phải đi làm giá: 4000.000 đồng H đồng ý. Khoảng 2,3 ngày T có điện thoại cho H nói có làm giấy giám định khám sức khoẻ không, H nói phải có biên lai hóa đơn thì mới làm, T nói không có biên lai chứng từ sẽ trả tiền lại cho H, H đồng ý và cung cấp thông tin chứng minh nhân dân, đưa 4.000.000 đồng cho T, khoảng 01 tuần sau T đưa cho H "Biên bản giám định khả năng lao động", nH không có biên lai đỏ, khoảng 01 tuần sau nữa T đến nhà H nói bên đó không có cung cấp biên lai đỏ nên trả lại cho H 4.000.000 đồng và T thu lại biên bản giám định sức khỏe mà T đã đưa cho H.

Đối với Phan Quốc H: T nói với H có quen một người cháu làm được giấy khám sức khỏe không cần phải đi làm giá: 4.000.000 đồng không cần đi khám H đồng ý. Khoảng 3 ngày sau T có điện thoại cho H nói có làm giấy giám định khám sức khỏe không, H nói phải có biên lai hóa đơn thì mới làm, T nói không có biên lai chứng từ sẽ trả tiền lại cho H, H đồng ý và cung cấp thông tin cho T, T hẹn H khi nào có giấy giám định sức khỏe sẽ đưa cho H và H trả tiền cho T, khoảng 01 tuần sau T thông báo cho H biết bên đó làm giấy tờ không có biên lai đỏ nên H không đồng ý và H chưa nhận được giấy khám sức khỏe và không trả tiền cho T.

Đối với Nguyễn Thị H: trước khi nghỉ hưu Hồng nghe một số người làm chung trong Nông trường nói T có thể làm giấy giám định sức khỏe, Hồng hỏi T thì T nói mỗi người làm giá 4.000.000 đồng nghe vậy Hồng đồng ý và cung cấp thông tin, chứng minh nhân dân của Hồng và Lê Văn Dũng (Chồng của Hồng) cho T và đưa cho T số tiền 8.000.000 đồng, sau đó Hồng nghe một số người nói T làm giấy giám định sức khỏe không có hóa đơn nên Hồng điện thoại cho T để lấy lại số tiền 8.000.000 đồng và nói với T không làm nữa, T đem CMND, số bảo hiểm và số tiền 8.000.0000 đồng trả cho Hồng. Hồng và Dũng chưa nhận được giấy giám định sức khỏe từ T.

Ngày 05 tháng 01 năm 2018, Trung tâm giám định y khoa thuộc Sở y tế tỉnh Bình Dương có công văn số: 04/GĐYK-TCHC về việc 02 (hai) Biên bản giám định khả năng lao động số: 682/2017/GĐYK-SK ngày 15 tháng 8 năm 2017 mang tên Lê Thị L và Biên bản giám định khả năng lao động số: 720/2017/GĐYK-SK ngày 05 tháng 9 năm 2017 mang tên Lê Thị M không phải của Hội đồng Giám định y khoa tỉnh Bình Dương ban hành.

Ngày 19 tháng 7 năm 2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện Bàu Bàng đã trưng cầu giám định phòng kỹ thuật hình sự PC09- Công an tỉnh Bình Dương để tiến hành xác định: 03 (ba) Biên bản giám định khả năng lao động số: 682/2017/GĐYK-SK ngày 15/08/2017 mang tên Lê Thị L và Biên bản giám định khả năng lao động số: 720/2017/GĐYK-SK ngày 05 tháng 9 năm 2017 là thật hay giả.

Theo Kết luận giám định số: 392/GĐ - PC09 ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Dương như sau: Hình dấu tròn có nội dung "* CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM * TỈNH BÌNH DƯƠNG HỘI ĐỒNG GIÁM ĐỊNH Y KHOA" trên các tài liệu cần giám định (kí hiệu từ A1 đến A3) so với hình dấu tròn có nội dung "* CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM * TỈNH BÌNH DƯƠNG – HỘI ĐỒNG GIÁM ĐỊNH Y KHOA" trên tài liệu mẫu (ký hiệu M) không phải do cùng một con dấu đóng ra.

Quá trình làm việc Nguyễn Văn C và Võ Văn T thừa nhận hành vi cung cấp thông tin, chứng minh nhân dân cho đối tượng không quen biết, không có thẩm quyền để làm giả Biên bản giám định khả năng lao động là vi phạm pháp luật.

Đối với Lê Thị L đã có hành vi cung cấp thông tin hình ảnh, chứng minh nhân dân của Lê Thị L cho T để làm giả Biên bản giám định khả năng lao động sau đó L nộp Biên bản giám định khả năng lao động cho tổ chức Bảo hiểm xã hội huyện Bàu Bàng để làm hồ sơ hưởng hưu trí. Sau khi nhận được 04 tháng lương hưu trí là 10.373.244 đồng thì L đã trả lại số tiền trên và đi đến Trung tâm giám định y khoa thuộc sở y tế tỉnh Bình Dương để giám định sức khỏe và được cấp Biên bản giám định khả năng lao động. Hành vi của Lê Thị L đủ yếu tố cấu thành tội "Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" được quy định tại khoản 1, Điều 341 Bộ Luật Hình sự. Tuy nhiên, xét thấy hành vi sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức đối với Lê Thị L thuộc tội ít nghiêm trọng đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự (từ tháng 10/2017 đến ngày 26/10/2023).

Đối với Lê Thị M: sau khi nhận được 02 (hai) Biên bản giám định khả năng lao động Lê Thị M đã cất trong tủ, khoảng 10 ngày sau T thông báo cho M biết Biên bản giám định khả năng lao động là giả thì M đem cất trong nhà không có sử dụng, M biết Biên bản giám định khả năng lao động mà T làm là giả. Đến tháng 10 năm 2017, M chủ động đến Trung tâm tâm giám định y khoa thuộc Sở y tế tỉnh Bình Dương để giám định sức khỏe, và được cấp Biên bản giám định khả năng lao động số: 1049/2017/GĐYK-SK ngày 02/11/2017 mang tên Lê Thị M tỷ lệ suy giảm khả năng lao động là 66%. Ngày 01 tháng 12 năm 2017, M đi làm hồ sơ hưởng chế độ hưu trí M có nộp cả hai Biên bản giám định khả năng lao động số: 720/2017/GĐYK-SK ngày 05 tháng 9 năm 2017 và số: 1049/2017/GĐYK-SK ngày 02 tháng 11 năm 2017 cho cơ quan Bảo hiểm xã hội huyện Bàu Bàng (do bận nhiều công việc nên M không để ý và kiểm tra kỹ biên bản). Sau đó Bảo hiểm xã hội huyện Bàu Bàng mời M làm việc và thông báo cho M biết giấy Biên bản giám định khả năng lao động số: 720/2017/GĐYK-SK ngày 05 tháng 9 năm 2017 mang tên Lê Thị M là giả. Xét thấy bà M chủ động đi khám sức khỏe lại sau khi biết Biên bản giám định sức khỏe của T cung cấp là giả, còn việc bà M nộp 02 biên bản giám định sức khỏe (biên bản số: 1049/2017/GĐYK-SK là biên bản thật và biên bản số: 720/2017/GĐYK-SK là giả) là do bà M vô ý, nên hành vi của Lê Thị M không đủ yếu tố cấu thành tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” được quy định Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Đối với Nguyễn Thị Hvà Phan Quốc H có hành vi cung cấp thông tin, chứng minh nhân dân và tiền cho T. Tuy nhiên, chưa nhận được giấy giám định sức khỏe từ T hành vi của Hồng và H không đủ yếu tố cấu thành tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” được quy định tại Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Đối với Nguyễn Thị Th: Thân không có nhờ T làm giấy giám định khả năng lao động và không có đưa tiền cho T, vì Thân đã được cấp giấy giám định khả năng lao động số: 1046/2017/GĐYK-SK ngày 02 tháng 11 năm 2027, xét thấy hành vi của Thân không có dấu hiệu tội phạm “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” được quy định tại Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Đối với Huỳnh Đức H: hành vi cung cấp thông tin, hình ảnh, chứng minh nhân dân cho Võ Văn T của H để làm Biên bản giám định khả năng lao động nH sau khi nhận được Biên bản giám định khả năng lao động H nghi là giả (do không có biên lai đỏ) nên H đã trả lại cho T, H không sử dụng vào việc gì cả. Xét thấy, hành vi của Huỳnh Đức H không đủ yếu tố cấu thành tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" được quy định tại Điều 341 Bộ Luật Hình sự.

Đối với số điện thoại 0965392376 của người tên Mạnh: Cơ quan CSĐT - Công an huyện Bàu Bàng đã gửi Công văn đến Trung tâm Viễn thông VIETTEL tỉnh Bình Dương để xác minh chủ sở hữu số thuê bao trên: kết quả không có thông tin chủ sở hữu đối với số điện thoại 0965392376.

Vật chứng vụ án kèm theo gồm:

02 (hai) Biên bản giám định khả năng lao động số: 682/2017/GĐYK-SK ngày 15 tháng 8 năm 2017 mang tên Lê Thị L.

Qua quá trình điều tra Nguyễn Văn C và Võ Văn T đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với tài liệu chứng cứ thu thập có được trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn C và Võ Văn T đủ yếu tố cấu thành tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức".

Quá trình điều tra các bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến gì về các vấn đề trên.

Bản Cáo trạng số 145/CT-VKSBB ngày 28 tháng 11 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Nguyễn Văn C và Võ Văn T về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo điểm a khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa,

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị rút lại một phần tội danh tội "Làm giả con dấu của cơ quan, tổ chức" truy tố các bị cáo Nguyễn Văn C và Võ Văn T về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức"

và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Điểm a khoản 3 Điều 341, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Văn C; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C từ 03 (ba) năm 02 (hai) tháng đến 04 (bốn) năm tù.

Điểm a khoản 3 Điều 341, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Võ Văn T; xử phạt bị cáo Võ Văn T 03 (ba) năm nH cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm.

Về vật chứng: đề nghị đưa vào hồ sơ làm tài liệu chứng cứ cho vụ án đối với 01 thẻ nhớ 2GB chứa đoạn video của bà Lê Thị Thu Loan.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa nên không ghi nhận được ý kiến tranh luận.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng:

Bị cáo C nói lời sau cùng: hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, bị cáo rất hối hận, bị cáo mong được hưởng sự khoan hồng của pháp luật để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội lo cho vợ con.

Bị cáo T nói lời sau cùng: hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, bị cáo rất hối hận, bị cáo chỉ nghe lời người khác và vi phạm pháp luật, bị cáo mong được hưởng sự khoan hồng của pháp luật để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Đối với hành vi của Lê Thị L và Lê Thị M, Tòa án đã trả hồ sơ cho Viện kiểm sát điều tra bổ sung làm rõ hành vi. Tuy nhiên, Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo khai nhận: tháng 4 năm 2017, bị cáo C có hành vi gửi thông tin cho bị cáo T cung cấp cho đối tượng tên Mạnh làm giả 6 biên bản giám định khả năng lao động, bị cáo T cung cấp thông tin cho C làm giả 6 biên bản giám định khả năng lao động của hội đồng giám định y khoa tỉnh Bình Dương. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người tham gia tố tụng và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, phù hợp với nội dung Cáo trạng và diễn biến tại phiên tòa. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo phạm tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại điểm a, khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Do đó, Cáo trạng truy tố các bị cáo tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Xét hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo nhận thức rõ hành vi làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức là vi phạm pháp luật hình sự và sẽ bị xử lý nH vì động cơ

tư lợi nên các bị cáo đã cố ý phạm tội. Như vậy, cần xử phạt các bị cáo mức án tương xứng với tính chất hành vi phạm tội, đủ để giáo dục răn đe các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét các T tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo như sau:

[4.1] Về T tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có T tiết tăng nặng.

[4.2] Về T tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại các điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo T có cha mẹ là người có công với cách mạng, bà ngoại là mẹ Việt Nam anh H, bị cáo là lao động chính trong gia đình nên được hưởng T tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo C là T nguyện viên tổ ccovid được tặng giấy khen trong công tác phòng chống dịch Covid 19 nên được hưởng T tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017

[5] Đây là vụ án có tính chất đồng phạm nên Hội đồng xét xử phân tích vai trò, hành vi của từng bị cáo để đưa ra mức án phù hợp cho từng bị cáo: Bị cáo C là người trực tiếp nhận thông tin và gửi thông tin để làm giả tài liệu, bị cáo T cung cấp thông tin cho bị cáo C làm giả tài liệu nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo.

[6] Bị cáo T có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự có nhân thân tốt, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, Nghị quyết số 02/2018/NQ–HĐTP ngày 15-5-2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ–HĐTP ngày 15-4-2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao áp dụng cho bị cáo được hưởng án treo là đã đủ răn đe, giáo dục bị cáo.

[7] Về việc rút một phần tội danh và mức hình phạt theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà đối với các bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Mức hình phạt theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà đối với các bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Đối với đối tượng tên Mạnh chưa xác định nhân thân lai lịch khi nào xác định rõ sẽ xử lý sau.

[10] Về xử lý vật chứng: đề của Kiểm sát viên là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điểm a khoản 3 Điều 341, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Văn C;

Điểm a khoản 3 Điều 341, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, Nghị quyết số 02/2018/NQ–HĐTP ngày 15-5-2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ–HĐTP ngày 15-4-2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao áp dụng cho bị cáo được hưởng án treo đối với bị cáo Võ Văn T.

Các Điều 99, 292 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C và Võ Văn T phạm tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 03 (ba) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo Thi hành án.

Xử phạt bị cáo Võ Văn T 03 (ba) năm tù nH cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Võ Văn T cho Ủy ban nhân dân xã Long Nguyên, huyện Bàng, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: Lưu hồ sơ 02 (hai) Biên bản giám định khả năng lao động số: 682/2017/GĐYK-SK ngày 15 tháng 8 năm 2017 mang tên Lê Thị L và 01 (một) Biên bản giám định khả năng lao động số: 720/2017/GĐYK-SK ngày 05 tháng 9 năm 2017 mang tên Lê Thị M. Buộc bị cáo Nguyễn Văn C phải nộp 3.200.000 (ba triệu hai trăm nghìn) đồng tiền thu lợi bất chính.

3. Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn C và Võ Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ L quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Công an tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đăng Khoa